

ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

SỰ LỰA CHỌN TẤT YẾU CỦA NHÂN DÂN VIỆT NAM

TS NGUYỄN THỊ NGÂN*

Củu nghĩa Mác-Lênin phân tích một cách khoa học những tiền đề, điều kiện khách quan cho sự ra đời một xã hội mới - XHCN và khẳng định CNXH là một quá trình lịch sử tự nhiên và là một quy luật tất yếu trong sự phát triển của xã hội loài người. Đây là một xã hội ưu việt so với các chế độ xã hội trước đó. Đi lên CNXH là vấn đề cốt lõi trong hệ tư tưởng và các hoạt động cả về lý luận và thực tiễn của Việt Nam hiện nay. Tuy nhiên, chúng ta đã và đang gặp nhiều thách thức, trong đó có những luận điểm xuyên tạc về con đường đi lên CNXH ở Việt Nam.

Ngay từ khi xác định con đường cứu nước, Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: Chỉ có CNXH, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ; chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới cứu nhân loại, đem lại cho mọi người không phân biệt chủng tộc và nguồn gốc tự do, bình đẳng, bác ái.... Đảng Cộng sản Việt Nam và Hồ Chí Minh đã lựa chọn con đường tất yếu ấy.

Thực tiễn lịch sử Việt Nam trong gần một thế kỷ qua, kể từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đã cho thấy, con đường kết hợp

độc lập dân tộc với CNXH là con đường tất yếu khách quan của dân tộc, là chân lý, là động lực xuyên suốt toàn bộ tiến trình cách mạng Việt Nam. Sự lựa chọn con đường đi lên CNXH là sự lựa chọn của Đảng, của Hồ Chí Minh và cũng chính là sự lựa chọn của nhân dân, của lịch sử dân tộc Việt Nam. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1930, thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945, thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp 1954, thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước năm 1975, thắng lợi bước đầu của công cuộc đổi mới từ 1986 đến nay đã chứng minh tính đúng đắn của con đường độc lập dân tộc và CNXH.

Độc lập dân tộc và CNXH không chỉ là mục tiêu, là nhu cầu mà còn là cương lĩnh hành động của dân tộc Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Qua thực tế của hơn 20 năm đổi mới, với hệ giá trị đó, Đảng Cộng sản Việt Nam đã xứng đáng tiêu biểu cho bản lĩnh Việt Nam trong việc giữ vững định hướng XHCN. Đó là bản lĩnh kiên định chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định chiến lược đại đoàn kết dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam. Nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và CNXH, đó là bài học xuyên suốt tiến trình

* Học viện CT-HC Quốc gia Hồ Chí Minh

cách mạng ở Việt Nam. Độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để thực hiện CNXH và CNXH là cơ sở đảm bảo vững chắc cho độc lập dân tộc.

Để kiên định con đường XHCN. Đảng không chỉ có ban lãnh chính trị vững vàng mà còn phải có tầm cao trí tuệ; dám đổi mới và biết đổi mới. Sự nghiệp xây dựng CNXH là một sự nghiệp lâu dài, vô cùng khó khăn, gian khổ với một xuất phát điểm thấp, lại phải trải qua hai cuộc chiến tranh khốc liệt, các thế lực thù địch luôn tìm cách chống phá. Sự nghiệp đổi mới theo định hướng XHCN là một sự nghiệp chưa có tiền lệ trong lịch sử. lại diễn ra trong bối cảnh CNXH hiện thực trên thế giới trong thập kỷ 80 và 90 của thế kỷ XX lâm vào khủng hoảng và thoái trào nên càng khó khăn. Đây là quá trình vừa học, vừa làm, vừa tổng kết, vừa rút kinh nghiệm. khái quát thành lý luận trên cơ sở lấy thực tiễn làm chân lý. Chính trong quá trình đó. Đảng Cộng sản Việt Nam từng bước hình thành những nhận thức mới về CNXH, từng bước khắc phục những quan điểm giáo điều, đơn giản, ấu trĩ về CNXH.

Trong quá trình lãnh đạo công cuộc đổi mới. Đảng Cộng sản Việt Nam đã kiên quyết đấu tranh chống những quan điểm sai trái, thù địch của các thế lực phản động và cơ hội chính trị, phê phán bệnh bảo thủ, giáo điều và những sai lầm "tả" hoặc hữu khuynh. Gần đây, khi góp ý cho dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội X của Đảng, đã có những người bán khoán, dao động về con đường đi lên CNXH và mục tiêu của cách mạng Việt Nam. Nổi bật khoản lớn nhất là cách mạng Việt

Nam làm gì và làm như thế nào để vượt qua được những thách thức nghiệt ngã? Thành quả cách mạng của nhân dân ta do Đảng lãnh đạo rồi sẽ ra sao? Liệu Đảng có thể tự bảo vệ mình để lãnh đạo nhân dân ta xây dựng và bảo vệ Tổ quốc?

Sau khi chế độ XHCN ở Liên xô, Đông Âu sụp đổ, một bộ phận cán bộ, đảng viên hoang mang, dao động, suy giảm niềm tin. Có ý kiến cho rằng, đổi mới phải là đổi hướng, phải từ bỏ CNXH, từ bỏ chủ nghĩa Mác-Lênin; đòi đa nguyên, đa đảng. Một số phần tử cơ hội, thù địch với cách mạng Việt Nam cố tình khai thác, khoét sâu vào những yếu kém, khuyết điểm trong quá trình lãnh đạo, quản lý trong thời gian qua để xuyên tạc, vu cáo, bôi nhọ chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Họ cố tình quy kết một cách sai trái những yếu kém, khuyết điểm đó là do chủ nghĩa Mác-Lênin, do Đảng Cộng sản, do định hướng XHCN ở Việt Nam. Ý kiến khác cho rằng không cần phải định hướng XHCN, chỉ cần dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh là được. Họ cho rằng đi vào CNXH là đi vào vết xe đổ Liên Xô, Đông Âu, là sự không tương, viển vông. Theo họ, đã thực hiện kinh tế thị trường thì không thể định hướng XHCN, định hướng XHCN là sự can trở quá trình phát triển...

Thành tựu của công cuộc đổi mới đất nước 20 năm qua là bằng chứng sống động bác bỏ những toan tính của các phần tử chống đối, thù địch muốn Đảng và dân tộc ta rời bỏ con đường đi lên CNXH, chia rẽ sự gắn bó giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân trong quá trình thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH.

Thực tế cũng chứng minh rằng, kiên định và phát triển con đường XHCN, "những thành tựu trong việc cụ thể hoá một con đường thích hợp quá độ lên chủ nghĩa xã hội không chỉ là tài sản vô giá của những người Cộng sản Việt Nam mà còn là nguồn cảm hứng và tin tưởng đối với những người Cộng sản và cách mạng trên toàn thế giới"¹.

Mỗi khi Đảng Cộng sản Việt Nam tiến hành Đại hội toàn quốc bàn việc nước, việc dân, việc Đảng thì những phần tử cơ hội, chống đối, được sự tiếp tay, giật dây của các thế lực thù địch ở bên ngoài, trắng trợn đòi từ bỏ con đường đi lên CNXH. Dù cung bậc khác nhau, nhưng thù đoạn, luận điệu của họ đều rất xảo quyệt, lắt léo. Lại có những ý kiến cho rằng, tán thành định hướng XHCN nhưng trong thực tế lại coi nhẹ vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước, họ muốn tất cả nền kinh tế được "điều khiển" dưới bàn tay vô hình của kinh tế thị trường. Thực chất, đó là sự hướng tới chủ nghĩa tự do mới vốn đang thịnh hành ở phương Tây.

Chủ nghĩa tự do mới là một học thuyết kinh tế tập trung vào các giá trị của một nền kinh tế toàn cầu (toàn cầu hoá) thị trường tự do, thương mại tự do và sự lưu thông không hạn chế của đồng vốn. Những người theo chủ nghĩa này biện hộ cho những nguyên tắc chính phủ "tối thiểu", chi tiêu "tối thiểu", đánh thuế "tối thiểu", điều tiết "tối thiểu" và can thiệp trực tiếp "tối thiểu" vào nền kinh tế. Họ tin rằng các lực lượng thị trường, theo bản chất tự nhiên, sẽ phát huy được trên nhiều lĩnh vực pháp quyền và xã hội mang lại lợi ích chung cao nhất. Những người phản bác quan điểm này cho rằng, bản thân các lực lượng thị trường vốn

không công bằng nên kết quả do nó mang lại cũng không được phân phối công bằng.

Ở phương Tây, chủ nghĩa tự do mới được phổ biến rộng rãi ở các nước công nghiệp phát triển sau chiến tranh thế giới thứ II cho đến khủng hoảng dầu mỏ và Hoa Kỳ huỷ bỏ chính sách kim bản vị của đồng đôla vào nửa đầu những năm 70 của thế kỷ trước. Chủ nghĩa tự do mới do nhà kinh tế học Ph. Hayéc khởi xướng, là nền tảng lý luận của chính sách khai thác một cách hiệu quả nhất có thể được các nguồn lực (lao động giá rẻ, nguyên liệu thô, các thị trường), và bằng cách đó tạo thêm nhiều thị trường cho các tập đoàn xuyên quốc gia, phần lớn đóng trụ sở tại các quốc gia chủ chốt của nền kinh tế thế giới (Hoa Kỳ, châu Âu, Nhật Bản).

Chủ nghĩa tự do mới cổ súy lợi ích của các tập đoàn đa quốc gia thông qua những thiết chế tài chính lớn nhất của kinh tế thế giới. Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), Ngân hàng thế giới (WB) và các quốc gia có nền kinh tế hùng mạnh nhất, đặc biệt là Liên hiệp Châu Âu và Hoa Kỳ. Các thiết chế này biện minh cho chủ nghĩa tự do mới, chính sách của chúng mang màu sắc chủ nghĩa tự do mới và chịu sự chi phối về kinh tế - chính trị của các tập đoàn đa quốc gia. Những người phản đối chủ nghĩa tự do mới cho rằng, chủ nghĩa tư bản (CNTB) lũng đoạn lợi dụng sức mạnh của đồng vốn (tư bản) để buộc các chính phủ làm những gì họ muốn, nếu không, họ sẽ ngừng đầu tư, làm ảnh hưởng đến việc làm và kinh tế nói chung.

Thế giới đang trải qua cơn ác mộng trên thị trường chứng khoán. Cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu đánh dấu sự phá sản của học

thuyết kinh tế thị trường tự do kiểu Mỹ. Trên khắp các phương tiện truyền thông quốc tế là thống kê mức sụt giảm của thị trường chứng khoán. Thị trường tài chính Mỹ tới tháng 9 và tháng 10-2008 lâm vào tình trạng nguy kịch. Tại Châu Âu, 15 quốc gia sử dụng đồng euro đã nhóm họp đề ra các biện pháp giải cứu thị trường. Các nhà lãnh đạo nhóm 15 nước đã thảo luận nhất trí việc nhà nước tham gia vào vốn các ngân hàng, từ đó can thiệp vào các hoạt động tín dụng liên ngân hàng. “Bóng ma” khủng hoảng tài chính ngày càng hiện rõ hơn không chỉ ở Mỹ mà còn ở nhiều nước khác. Do hoàn cảnh khác nhau, khả năng cứu nguy ngân hàng của mỗi nước khác nhau. Khủng hoảng thị trường tài chính ở Mỹ và các nước châu Âu cho thấy, chủ nghĩa tự do mới không phải là cứu cánh cho sự phát triển, chính nó đã đẩy các nền kinh tế của các nước lớn đến bờ vực thẳm và tương lai thị trường tài chính thế giới hiện còn mù mịt. Có thể nói, cuộc khủng hoảng nêu trên đã dẫn tới sự phá sản của mô hình CNTB với kinh tế thị trường tự do mới mà định hướng chủ yếu là đẩy mạnh hoạt động của thị trường tự do, khuyến khích tư nhân hoá và hạn chế sự can thiệp của nhà nước. Cuộc khủng hoảng này đã đặt ra yêu cầu phải cơ cấu lại nền kinh tế tài chính trên phạm vi toàn cầu, cải tổ lại các hoạt động của các định chế tài chính quốc tế như Ngân hàng thế giới (WB), Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) từ cấu trúc đến phương thức vận hành phù hợp với hoàn cảnh mới.

Tổng thống Pháp N Xécôđi khẳng định cần điều chỉnh lại CNTB trên phạm vi toàn cầu. Cựu Tổng thống Mỹ G. Buser thừa nhận

rằng, cuộc khủng hoảng hiện thời sẽ thúc đẩy việc xây dựng lại nền tảng của CNTB. Cần tìm ra thế cân bằng giữa nhà nước và thị trường. Không phải ngẫu nhiên mà bộ “Tư bản” của C. Mác được tái bản và bán chạy tại nhiều nước phương Tây. Điều Mác khẳng định trong quá trình phát triển của CNTB, mâu thuẫn cơ bản của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa (TBCN) càng trở lên sâu sắc, đó là “sản xuất đã trở thành một hành vi xã hội, trao đổi và cùng với trao đổi là sự chiếm hữu, vẫn là những hành vi cá nhân, hành vi của những người riêng biệt”. Đó là mâu thuẫn cơ bản giữa tính chất xã hội hoá của sản xuất và hình thức chiếm hữu tư nhân TBCN về tư liệu sản xuất. Từ mâu thuẫn này đã nảy sinh ra tất cả những mâu thuẫn trong đó xã hội tư bản vận động vô chính phủ, hậu quả của xu hướng phát triển quá nhanh của hệ thống tài chính-tiền tệ trong đó tiền tách khỏi hàng, tiền đẻ ra tiền với giá trị lớn hơn giá trị hàng hoá hàng trăm lần; lượng tiền không lồ đó lại được chuyển dịch nhanh chóng, chẳng chịt tới mức không thể kiểm soát nổi. Đó là hệ quả của một nền kinh tế ảo, tiền tệ ảo và sẽ dẫn đến nguy cơ khủng hoảng.

Chủ nghĩa Mác đã cho rằng, sự phát triển của xã hội loài người là một quá trình lịch sử tự nhiên. CNTB tất yếu sẽ bị thay thế bằng một phương thức sản xuất mới cao hơn, tiến bộ hơn, đó là phương thức sản xuất cộng sản chủ nghĩa mà giai đoạn đầu là CNXH.

Sự lựa chọn con đường đi lên CNXH ở Việt Nam chính là thực hiện quyền tự quyết của toàn thể dân tộc Việt Nam. Sự lựa chọn này qua sát hạch lịch sử để giải quyết mâu thuẫn

giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với chủ nghĩa thực dân, đế quốc; giữa nông dân (chiếm hơn 90% dân số) với giai cấp địa chủ phong kiến. Việc giải quyết vấn đề dân tộc và vấn đề dân chủ trở thành hai nhiệm vụ bức thiết đòi hỏi phải giải quyết toàn diện, triệt để và chỉ có thể giành thắng lợi thông qua tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ, đi lên CNXH dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Có một số ý kiến cho rằng tại sao nước ta không đi theo con đường TBCN? hoặc tại sao Việt Nam không đi theo con đường Thái Lan đã đi? Ta thừa nhận rằng trong những năm gần đây, CNTB đã có nhiều mặt phát triển, song CNTB dù có sự điều chỉnh, thích nghi nhưng bản chất của nó vẫn không hề thay đổi. Mục đích của các sự điều chỉnh kinh tế-xã hội của CNTB là nhằm tăng thêm lợi nhuận, xoa dịu các mâu thuẫn và đối kháng giai cấp để kéo dài sự tồn tại của CNTB. CNTB đã trải qua lịch sử mấy trăm năm với sự bóc lột thậm tệ giai cấp những người lao động với những cuộc chiến tranh đẫm máu giữa các quốc gia và tiến hành xâm lược, cướp bóc các dân tộc thuộc địa. Trong xã hội tư bản, giàu có chỉ dành cho một nhóm người đi bóc lột. Sau gần 400 năm phát triển, ngoài một số nước tư bản phát triển, còn lại thế giới toàn cảnh là: “châu Phi đói, châu Á nghèo, châu Mỹ La tinh nợ nần chồng chất”. Việt Nam không đi theo con đường TBCN bởi lẽ không nhất thiết và không cần thiết sự phát triển nào cũng phải diễn ra tuần tự. Cách mạng tháng Mười Nga đã mở ra một thời đại mới quá độ từ CNTB lên CNXH, còn có cả loại hình quá độ gián tiếp, những nước chậm phát triển có thể bỏ qua chế độ TBCN để đi lên CNXH.

Do không nhận thức được tính khó khăn, phức tạp, lâu dài của thời kỳ quá độ lên CNXH mà nhiều người đã dao động, mất lòng tin, sau sự kiện khủng hoảng rồi đi đến sụp đổ các mô hình CNXH ở Liên xô, Đông Âu, nhiều người trong số họ đã cho rằng CNXH đã sụp đổ cả trên bình diện lý luận và bình diện thực tiễn. Nhiều lý luận gia phương Tây cũng đã cho rằng CNXH đã cáo chung, CNTB đã toàn thắng. Rằng, CNXH do “nảy sinh trên một mảnh đất hoang” nên đã sụp đổ, “thế kỷ XX là thế kỷ chứng kiến sự ra đời và cả hồi kết của chủ nghĩa cộng sản”... Thực tiễn lịch sử phát triển của xã hội loài người đã chứng minh quan điểm của chủ nghĩa Mác và CNXH. Sự đổ vỡ của mô hình XHCN ở Liên xô, Đông Âu không phải là sự sụp đổ của CNXH với tính chất là học thuyết mà là do sai lầm của những người lãnh đạo cụ thể và những đặc điểm cụ thể đã kéo dài trong nhiều năm, đã làm cho CNXH hiện thực rơi vào tình trạng khủng hoảng. Hơn nữa, sự chống phá của các thế lực thù địch, những kẻ phản bội ở bên trong đã đẩy tình trạng ấy từ khủng hoảng đến sụp đổ cả một chế độ xã hội đã được xây dựng suốt mấy chục năm.

Xét về phương diện kinh tế, từ một xuất phát điểm thấp, cơ sở kinh tế kỹ thuật còn yếu kém, Việt Nam vẫn có thể bỏ qua CNTB lên CNXH. Điều kiện quan trọng để thực hiện sự phát triển rút ngắn mà chủ nghĩa Mác-Lênin đã chỉ ra đối với các nước tiền tư bản đi lên CNXH đó là: Xét về khách quan, sau Cách mạng tháng Mười Nga vĩ đại, hệ thống các nước XHCN ra đời, các nước chậm phát triển có thể nhận được sự giúp đỡ, ủng hộ từ các

nước tiên. Xét về mặt chủ quan, phải có dạng của giai cấp công nhân lãnh đạo; nhân dân ta có truyền thống yêu nước, cần cù, năng động, dũng cảm. Tuy hệ thống XHCN không còn như trước đây nhưng điều kiện mới, cơ hội mới vẫn cho phép chúng ta xác định con đường phát triển rút ngắn.

C.Mác cho rằng: “Không một hình thái kinh tế-xã hội nào diệt vong trước khi tất cả những lực lượng sản xuất mà hình thức xã hội đó tạo địa bàn đầy đủ cho phát triển vẫn chưa phát triển, và những quan hệ sản xuất mới cao hơn cũng không bao giờ xuất hiện khi những điều kiện tồn tại vật chất của những quan hệ đó chưa chín muồi trong lòng bản thân xã hội cũ”². Thực chất của sự phát triển “rút ngắn” ở Việt Nam gồm có 2 nội dung: Vừa rút ngắn quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, vừa bỏ qua chế độ TBCN, tiến lên CNXH. Việc rút ngắn quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc bỏ qua chế độ TBCN, đi lên CNXH. Phương thức để rút ngắn con đường đi lên CNXH từ một nền kinh tế tiểu nông đã được Lênin chỉ ra, là phải thông qua con đường phát triển tư bản nhà nước, phải bắc những nhịp cầu nhỏ đi xuyên qua con đường tư bản nhà nước để đến với CNXH. Kinh tế tư bản nhà nước vừa là một thành phần kinh tế trong kết cấu kinh tế đa thành phần, vừa là con đường rút ngắn, “phi tư bản” đối với các nước có xuất phát điểm thấp, đây là phương pháp để phát triển lực lượng sản xuất.

Chủ nghĩa Mác-Lênin đã phân tích một cách khoa học những tiền đề, những điều kiện khách quan cho sự ra đời một xã hội mới -

XHCN, đó là một quá trình lịch sử tự nhiên.. Nhận thức được tư tưởng đó, từ khi mới ra đời, ngay trong cương lĩnh đầu tiên, Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định rõ mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH. Tuân theo lý luận chủ nghĩa Mác chính là tuân theo quan điểm thực tiễn, lý luận ra đời từ thực tiễn, lấy thực tiễn để kiểm nghiệm lý luận. Nghị quyết Đại hội X của Đảng Cộng sản Việt Nam đã một lần nữa khẳng định con đường đi lên CNXH ở Việt Nam: “Nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên CNXH ngày càng sáng tỏ hơn. Hệ thống quan điểm lý luận về công cuộc đổi mới, về XHCN và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam đã hình thành trên những nét cơ bản”³.

Như vậy, Nghị quyết Đại hội X đã khẳng định giá trị những bài học trong quá trình đổi mới CNXH ở Việt Nam, tiếp tục sự nghiệp độc lập dân tộc và CNXH theo quan điểm chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhân dân Việt Nam chắc chắn sẽ hiện thực hoá mục tiêu CNXH ở Việt Nam: Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

1. Alilốp: *Việt Nam là biểu tượng của thế kỷ XX*, Báo Nhân Dân, ngày 20-9-2000, tr.5

2. C.Mác-Ph. Ăngghen Toàn tập, CTQG, H, 1993, tr.15-16.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, CTQG, H, 2006, tr.68.